

# TỔ CHỨC DẠY NGHỀ THEO MODULE - MỘT TRONG NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN DẠY NGHỀ

TS. VŨ XUÂN HÙNG\*

**X**ác định tầm quan trọng của nguồn nhân lực nói chung, nhân lực lao động kỹ thuật trực tiếp nói riêng trong phát triển kinh tế đất nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ” là một trong ba đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển KT-XH 2011-2020. Theo đó, để tạo ra sự chuyển biến căn bản về chất lượng, việc tổ chức đào tạo (ĐT) nghề cần phải thực hiện theo một phương thức mới, hướng tới năng lực thực hiện của người học. Dạy nghề (DN) theo module chính là phương thức đó, nó được coi là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện DN.

## 1. Những khác biệt của DN theo module

1) **Quan niệm về ĐT nghề theo module.** Thuật ngữ module đã được quy định trong **Luật Dạy nghề**: “Module là đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học nghề có năng lực thực hành trọn vẹn một công việc của một nghề” (1). Nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia cũng cho rằng: “Module là một đơn vị học tập liên kết tất cả các yếu tố của các môn học lý thuyết các kỹ năng và các kiến thức liên quan để tạo ra một năng lực chuyên môn” (2) (hình 1). Đặc trưng của module là: Định hướng vấn đề cần giải quyết (năng lực thực hiện công việc); định hướng trọn vẹn vấn đề (tích hợp nội dung); định hướng làm được (theo nhịp độ người học); định hướng đánh giá liên tục, hiệu quả (học tập không rủi ro); định hướng cá nhân hoặc nhóm nhỏ người học và định hướng lắp ghép phát triển (3).

Về mặt lý luận, có nhiều quan niệm về module nhưng chúng đều thống nhất ở chỗ: Module là những phần trình độ xác định, được kiểm tra, đánh giá xác nhận. Module giống như những viên gạch xây dựng chương trình, có thể thay đổi dễ dàng để thích ứng với sự phát triển của kỹ thuật; có thể chỉ thay đổi về nội dung trong một module mà không bắt buộc đối với

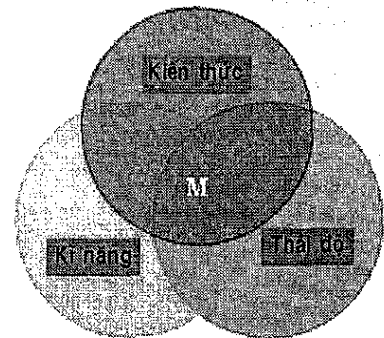
các module khác, đơn giản là có thể chỉ cải tiến những phần riêng biệt; có thể lắp lẫn, lắp dần để tạo ra một năng lực chuyên môn sâu rộng cho người lao động trong cả cuộc đời nghề nghiệp. Module có thể ảnh hưởng tới việc tổ chức, kết cấu của quá trình ĐT, được thực hiện bởi thứ tự các giờ học dưới hình thức giờ học định hướng vấn đề, giờ học dự án, giờ học theo nhóm. DN theo module chính là việc tổ chức thực hiện các module ĐT trong các chương trình DN, đảm bảo những đặc tính cơ bản của module. Các module ĐT có thể được người học lựa chọn một cách tự do hoặc được định hướng, có thể được nối ghép với nhau theo cách thức tích lũy kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được các trình độ khác nhau một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện cá nhân người học và yêu cầu xã hội.

DN theo module cần phải được hiểu là một phương thức ĐT có ý nghĩa rộng, bao trùm lên tất cả hoạt động DN, chứ không thuần túy chỉ là phương pháp hay hình thức tổ chức dạy một vài module trong một chương trình. DN theo module sẽ dẫn đến thay đổi từ triết lý đến mục tiêu, nội dung chương trình ĐT, thời gian ĐT, cách thức đánh giá và điều hết sức quan trọng là tạo ra sự thay đổi về chất lượng ĐT.

2) **Sự khác biệt giữa ĐT theo module và theo truyền thống.** ĐT theo module và ĐT theo truyền thống (niên chế) có những điểm khác biệt hết sức cơ bản. Điều này được thể hiện qua bảng sau (xem bảng):

## 2. Thực trạng và giải pháp triển khai DN theo module

1) **Thực trạng về DN theo module.** DN theo



Hình 1. Cấu trúc của module (M)

\* Tổng cục Dạy nghề

module đã được nghiên cứu, triển khai, áp dụng ở Việt Nam từ rất sớm (từ những thập niên 80, 90 của thế kỉ XX) thông qua sự tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các dự án DN trong và ngoài nước. Tuy nhiên, thời kì đó việc áp dụng các chương trình DN theo module mới chỉ thực hiện ở một số chương trình DN ngắn hạn và mang tính thí điểm. Từ khi có **Luật Dạy nghề** (năm 2006 đến nay), module được chính thức đưa vào các chương trình DN ở cả 3 cấp trình độ: Sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Theo số liệu của Tổng cục DN, tính đến tháng 12/2010 đã ban hành được 194 bộ chương trình khung trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, được xây dựng theo hướng kết hợp giữa môn học và module, trên cơ sở phân tích nghề, phân tích công việc theo phương pháp tiên tiến của thế giới (phương pháp DACUM), gắn với vị trí làm việc của người lao động hoặc dựa vào tiêu chuẩn kĩ năng nghề (4). Tuy nhiên, trong thực tế, do nhiều nguyên nhân khác nhau, việc tổ chức thực hiện các

DN theo niên chế	DN theo module
<b>1. Thiết lập ĐT</b>	
ĐT con người có đầy đủ phẩm chất, năng lực (nhân cách toàn diện)	ĐT người lao động có năng lực làm việc, có việc làm.
<b>2. Mục tiêu DN</b>	
Trang bị kiến thức, kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp	Giúp người học có năng lực thực hiện các công việc của nghề, đáp ứng được tiêu chuẩn của nghề đó đặt ra.
<b>3. Chương trình DN</b>	
Được xây dựng theo mục tiêu đào tạo, được cấu trúc thành các môn học lí thuyết, thực hành.	Được xây dựng theo yêu cầu công việc trong thực tế, qua việc phân tích nghề, được cấu trúc thành các module.
Được thiết kế để cho cùng một đầu ra (trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cao đẳng; hoặc chỉ ở một nghề)	Được thiết kế để có thể có hơn một đầu ra (có thể học nhiều trình độ hoặc nhiều hơn 1 nghề)
Tổ chức ĐT theo năm học: mỗi năm có 2 học kì đối với trình độ TC, CĐ	Tổ chức ĐT theo học kì: mỗi năm có nhiều hơn 2 học kì
Không có môn học tự chọn	Có các môn học; môn đôn tự chọn
<b>4. Thời gian ĐT</b>	
Thời gian ĐT cố định, độ dài của chương trình tính theo năm học	Thời gian ĐT thay đổi, độ dài chương trình phụ thuộc vào số lượng module người học tích lũy được
Thời gian học tập của người học được xác định bằng thời lượng người học phải lên lớp, thực hành, thực tập...	Thời gian học tập của người học được xác định bằng thời lượng người học phải lên lớp, thực hành, thực tập... và thời gian để người học tự nghiên cứu, tự học, tự thực hành, thực tập
<b>5. Phương pháp dạy</b>	
Dạy học theo lớp, bài, khóa học; theo môn học; lý thuyết tách rời thực hành hoặc tích hợp lí thuyết, thực hành chỉ trong một số nội dung nào đó	Dạy học theo nhóm, cá thể; theo từng module; tích hợp lí thuyết với thực hành trong tất cả chương trình
Ít nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của người học	Đặt nặng yêu cầu lấy người học làm trung tâm (leamer-centered) hoặc lấy sự học làm trung tâm (learning-centered)

Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học sao cho người học chủ yếu làm việc tại lớp (vi người học không có nhiều thời gian tự học)	Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học sao cho người học phải sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm.
<b>6. Phương pháp học</b>	
Người học học thụ động; chủ yếu hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân được giáo viên giao	Người học học chủ động; tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm nhiều hơn ngoài thời gian lên lớp.
Không cần đăng kí kế hoạch học tập, không cần quan tâm lựa chọn môn học và xây dựng tiến độ học tập riêng	Cần đăng kí kế hoạch học tập cho từng học kì, lựa chọn môn học và tiến độ học tập sao cho phù hợp với sở thích, năng lực và hoàn cảnh riêng
Ít đặt nặng yêu cầu về các kĩ năng mềm	Người học phải đạt được các kĩ năng mềm
Người học tuân thủ lịch học và thi chung của lớp	Người học thực hiện lịch học và thi của cá nhân
Người học chỉ học một nghề nhất định	Người học có thể dễ dàng học một lúc nhiều hơn 1 nghề.
<b>7. Tính tự chủ của người học</b>	
Tất cả người học đều cùng học theo một tiến độ chung.	Mỗi người học tự xây dựng một tiến độ học tập riêng trong khung thời gian cho phép đối với bậc học tương ứng
Người học không có sự lựa chọn nội dung học tập.	Người học có thể lựa chọn nội dung thích hợp với sở thích, khả năng trong số các môn học, module tự chọn
<b>8. Phương pháp đánh giá, thi cử</b>	
Kết quả học tập được đánh giá theo đề thi chung. Nếu người học nào không đạt yêu cầu học tập đối với một năm học thì có thể phải học lại năm học đó (lưu ban)	Kết quả học tập được đánh giá theo tổng số module đã tích lũy. Người học chỉ bị buộc thôi học nếu không đạt được điểm trung bình chung tích lũy nào đó sau một giai đoạn nhất định
Người học phải thi đạt tất cả các môn học quy định	Người học cần đạt đủ số module và điểm trung bình chung tích lũy qui định theo từng năm và cả khóa
Sử dụng thang điểm 10 và đề cao cách tính điểm tuyệt đối.	Sử dụng thang điểm 2 (đạt, không đạt); hoặc thang điểm 4 kết hợp thang điểm chữ; cho phép cách tính điểm tương đối.
Xem trọng các kì thi hết môn (chiếm 70-100% điểm môn học)	Xem trọng đánh giá quá trình (chiếm 50% điểm module)
Bắt buộc phải thi tốt nghiệp cuối khóa học	Thi kết thúc từng module, không thi cuối khóa (hoặc chỉ tổ chức thi cuối khóa để được công nhận kĩ năng nghề quốc gia)
<b>9. Tính liên thông</b>	
Các môn học trong phạm vi một nghề ĐT ít có tính liên thông	Nội dung học tập có tính liên thông cao
Các trình độ trong phạm vi một nghề ĐT ít có tính liên thông. Khó liên thông ở nghề ĐT khác hoặc trường khác	Các trình độ trong phạm vi một nghề, một trường có tính liên thông, hướng đến liên thông với các nghề khác, trường khác trong và ngoài nước
<b>10. Quản lí</b>	
Người học được quản lí và sinh hoạt chủ yếu theo lớp, theo khóa, theo khoa	Người học được quản lí học tập theo lớp module, được khuyến khích tham gia các sinh hoạt chung của khoa, trường
Hồ sơ học tập của người học chủ yếu được trích xuất từ kết quả học tập chung của lớp	Hồ sơ học tập người học mang tính cá thể, cần được theo dõi riêng
<b>11. Điều kiện dạy và học</b>	
Không đòi hỏi nhiều về các điều kiện như giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị; điều kiện thực hành, thực tập ...	Đòi hỏi gắt gao về các điều kiện đảm bảo (giáo viên kĩ năng nghề cao; cơ sở vật chất, thiết bị đủ theo yêu cầu thực tế sản xuất, dịch vụ; nguyên nhiên liệu thực hành, thực tập đủ để đảm bảo luyện tập hình thành kĩ năng...)

module trong chương trình ĐT mang tính đơn lẻ, dẫn đến các module ĐT trong các chương trình chỉ được coi như những môn học thực hành trước đây tại các cơ sở DN.

Kết quả khảo sát ở 11 cơ sở DN (với 270 phiếu hỏi) cho thấy, có 4/11 cơ sở DN được khảo sát có thực hiện việc ĐT theo module (chiếm 36,4%), nhưng chỉ cho ĐT nghề trình độ sơ cấp và DN dưới 3 tháng và chỉ ở một số nghề nhất định, chứ không phải ở tất cả các nghề; có 9/11 cơ sở DN (chiếm 81,8%) thực hiện các module ĐT trong các chương trình như các môn học thực hành trước đây. Việc dạy các module đơn lẻ quy định trong chương trình ĐT được hiểu là dạy tích hợp cả lý thuyết, thực hành trong cùng một khoảng thời gian quy định (5). Ngoài ra, các ý kiến đều thống nhất, tập trung vào những khó khăn khi thực hiện chương trình theo module như chưa có quy định pháp lý, chưa có hướng dẫn cụ thể về tổ chức, quản lý DN theo module để mọi cơ sở DN đều thực hiện thống nhất; trang thiết bị dạy học thiếu thốn, tài liệu phục vụ cho việc dạy học không đảm bảo, khó khăn lúng túng về mặt phương pháp, kinh phí hạn hẹp; nhận thức của một số giáo viên, cán bộ quản lý DN về phương thức ĐT nghề theo module còn mơ hồ, kiến thức cho việc giảng dạy và quản lý đối với phương thức ĐT này còn yếu,... (97,3 % số người trả lời đã khẳng định những khó khăn đó).

## 2) Đề xuất giải pháp triển khai DN theo module.

Đổi mới căn bản, toàn diện DN là đổi mới toàn bộ từ triết lý đến hệ thống, chính sách DN. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi, mang tính cơ bản tập trung vào việc thay đổi chính nội tại của nó, đó chính là thay đổi cách thức ĐT. Dẫu vẫn biết DN theo module không phải là quyết định tất cả, nhưng sẽ không thay đổi được gì, nếu không thay đổi từ chính nó. Theo đó, để đổi mới DN, một trong những giải pháp quan trọng là đổi mới phương thức DN theo module theo đúng cách của nó. Để thực hiện được điều này, cần phải thực hiện một số nội dung chính sau: - *Quy định, hướng dẫn việc tổ chức DN theo module*, trước mắt là quy định trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DN để làm căn cứ pháp lý. Trên cơ sở đó, tiếp tục có những hướng dẫn để triển khai trong thực tiễn. DN theo module đòi hỏi nhiều điều kiện đảm bảo khắt khe hơn so với ĐT theo niên chế, do vậy, cần có lộ trình để thực hiện. Trong giai đoạn đầu, nên quy định theo hướng mở, để cơ sở DN lựa chọn phương thức DN theo niên chế hoặc theo module, tùy thuộc vào điều kiện của từng cơ sở; - *Việc phát triển chương trình ĐT theo module cần phải tuân thủ quy trình*, theo các

bước sau: 1. *Xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề* (xuất phát từ tiêu chuẩn kỹ năng nghề); 2. *Xây dựng chương trình ĐT* (theo tiêu chuẩn kỹ năng); 3. *Xây dựng giáo trình, tài liệu học tập*. Chương trình ĐT sẽ giống nhau dù thực hiện theo niên chế hay module, tuy nhiên, sẽ khác nhau ở cách thức thực hiện. Do vậy, đối với chương trình theo module cần có thêm công đoạn module hóa toàn bộ chương trình, chuyển hóa các môn học thuần túy lý thuyết (nếu có) thành các module hoặc học phần; thiết kế nội dung, cách thức tổ chức dạy học cho từng học phần, module; cách thức, nội dung thi kết thúc học phần, module; - *Tổ chức DN và quản lý DN theo module* đảm bảo theo đúng chương trình, kế hoạch giảng dạy đã lập, đảm bảo cho việc người học "ra, vào" một cách thuận lợi trong các chương trình ĐT, tạo điều kiện để người học được lựa chọn nội dung học tập, được học theo năng lực, sở trường cá nhân. Kết thúc quá trình ĐT người học phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ năng nghề đặt ra, làm tốt được các công việc trong thực tiễn; - *Gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp*, đảm bảo lợi ích để doanh nghiệp tham gia DN, đảm bảo người học có thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. Chỉ như vậy, ĐT theo module mới phát huy được tác dụng, người học phát triển kỹ năng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

\*\*\*

DN theo module mang tính mềm dẻo, linh hoạt, cho phép thích ứng liên tục với chương trình nhằm đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu "mở" của thị trường lao động, đảm bảo được chất lượng ĐT. DN theo module vừa mang tính độc lập tương đối vừa mang tính liên thông đảm bảo nguyên lý tích lũy trình độ, vì vậy giúp người học hoàn thiện trình độ ở mức tổng thể cao hơn. Do vậy, đổi mới DN theo module là một xu thế tất yếu, một giải pháp quan trọng để phát triển DN, đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động kỹ thuật cho quốc gia. □

- (1) Luật Dạy nghề. NXB Chính trị quốc gia, H. 2007.
- (2) Ligaya D. Valmonte, Competency-Based Training (CBT) in Technical and Vocational Education and Training (TVET) Institutions: *Its Nature, Context and Issues*, 2007.
- (3) Bùi Văn Quân. *Thiết kế nội dung môn học theo module*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, H. 2001.
- (4) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. *Dự thảo Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020*.
- (5) Dự thảo Đề tài cấp Bộ mã số CB2013-04-06 - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Xem tiếp trang 14)

- Tạo điều kiện và khuyến khích các giảng viên thường xuyên cập nhật với CT đổi mới của trường phổ thông, tham gia các đợt tập huấn về phương pháp dạy học hiện đại để sẵn sàng tiếp nhận CT mới, sẵn sàng tham gia bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho GV các địa phương.

- Cần chú ý công tác bồi dưỡng cho đội ngũ GV hiện hành, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn giúp GV nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm chắc nội dung và yêu cầu của CT, SGK mới (3). Các GV không nên quan niệm SGK là một thứ khuôn vàng, thước ngọc để vì thế mà thầy và trò nhất nhất phải tuân theo đến từng câu, từng chữ, từng ví dụ như trong sách (vì SGK được viết bởi một hay một nhóm tác giả, do vậy nó mang rõ tính chủ quan của người biên soạn - mặc dù sách đó đã được thẩm định ở cấp quốc gia). Thực tế cho thấy, những GV giỏi thường có cách dạy riêng của mình trong quá trình sử dụng SGK nhưng lại có hiệu quả rất cao.

### 6. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước phát triển

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, chúng ta có nhiều cơ hội và điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, học tập cách làm CT, SGK phổ thông của các nước tiên tiến và vận dụng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình - đó là con đường ngắn nhất, tiết kiệm nhất để tiếp cận với xu thế và trình độ GDPT của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới (1).

\*\*\*

Xây dựng và phát triển CT, SGK phổ thông mới là một công việc hết sức trọng đại, có ý nghĩa chiến lược đối với ngành giáo dục, cần được tiến hành nghiên cứu và thực hiện một cách nghiêm túc, khẩn trương nhưng thận trọng (3). Để xây dựng và phát triển CT, SGK mới sau năm 2015 thực sự chất lượng, hiệu quả và có tính khả thi, cần thực hiện một hệ thống những giải pháp đồng bộ như trên. □

(1) Đỗ Đình Hoan. "Một số bài học kinh nghiệm từ bốn lần thay đổi chương trình giáo dục phổ thông". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 72, tháng 9/2011.

(2) Trịnh Đình Tùng - Bùi Thị Oanh. "Một số ý kiến về sách giáo khoa môn Lịch sử hiện nay và sau năm 2015". *Tạp chí Giáo dục*, số 312, tháng 6/2013.

(3) Đỗ Ngọc Thống. "Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 62, tháng 11/2010.

(4) Nguyễn Đức Chính. "Vài suy nghĩ về chương trình

và sách giáo khoa phổ thông sau 2015". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 93, tháng 6/2013.

(5) Nguyễn Văn Ninh. "Chương trình Lịch sử phổ thông ở Cộng hòa Pháp và khả năng vận dụng của Việt Nam". *Tạp chí Giáo dục*, số 297, tháng 11/2012.

(6) Ngô Trần Ái. "Sách giáo khoa - cần một tổng công trình sư xuất sắc". *Tạp chí Dạy và học ngày nay*, số 10, 2012.

(7) Vũ Văn Dự. "Suy nghĩ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015". *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 50, tháng 7/2013.

### SUMMARY

*From requires improving the quality of teaching and learning, from innovation requires radical and comprehensive new education to meet the industrialization and modernization of the country, the construction and development program process, a new textbook is essential, with strategic significance for the education sector.*

*To build and develop programs, new textbooks after 2015 successfully, there must be a system of synchronized solutions, have been studied and implemented in earnest, cautious. Thus, programs and textbooks after 2015 will have the quality, effectiveness, feasibility, come to life.*

## Tổ chức dạy nghề theo module...

(Tiếp theo trang 11)

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H 2011.
2. Fulst, Stefan. *Im Spannungsfeld von Modularisierung und Europisierung: Die deutsche duale Berufsbildung im Test*. Rainer Hampp Verlag: 2003.
3. Fasshauer, Uwe u.a. *Beweglichkeit ohne Beliebigkeit - Modularisierung und Schulentwicklung in der beruflichen Bildung*. W. Bertelsmann Verlag GmbH & Co. KG, Bielefeld. 2001.

### SUMMARY

*The paper presents the study of modular vocational training, to clarify the difference between the yearly vocational training and vocational training module, assess the status of vocational training modules, on the basis that the proposed solution measures implemented in the modular vocational practice, perform basic policy innovation, comprehensive training.*